

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2025.

V/v: *Ly hôn*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cái Diệu Trang và ông Nguyễn Nhân Phái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 53/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025, về việc: “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1996. Nơi thường trú: Thôn M, xã P, huyện P, thành phố Huế. Căn cước công dân số: 046196016XXX, cấp ngày: 25/3/2022 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Đức H, sinh năm: 1993. Nơi thường trú: Thôn L, xã L, huyện P, thành phố Huế. Căn cước công dân số: 046093000XXX, cấp ngày: 23/3/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 10 tháng 3 năm 2025 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Đức H có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) vào ngày 06/7/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng sống có hạnh phúc một thời gian, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã, đã hết tình cảm với nhau, anh H ham chơi không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Chị L đã nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng cả hai không thể hàn gắn. Từ đầu năm 2025, chị L và anh H sống ly thân từ đó đến

nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Hoàng Đức H.

Về con chung: Nguyên đơn trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản trích lục kết hôn; 02 bản phô tô căn cước công dân mang tên chị L và anh H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Hoàng Đức H về việc chị Nguyễn Thị L xin ly hôn. Tuy nhiên, hết thời hạn luật định anh H không có văn bản trình bày ý kiến. Tại các buổi làm việc; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh H đều vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 21/5/2025, bà Hoàng Thị Xuân S là mẹ ruột của anh Hoàng Đức H cho biết về anh H (bị đơn) có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã L, huyện P, thành phố Huế. Gia đình đã trực tiếp nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án và giao lại cho anh Hoàng Đức H nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa ngày 20/6/2025, Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử nhưng do bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 26/6/2025, đồng thời tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia các Phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L. Về án phí đề nghị buộc chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng anh Hoàng Đức H là bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Đức H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) vào ngày 06 tháng 7 năm 2022. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị L và anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình sống chung, giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Từ đầu năm 2025, chị L và anh H đã sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng không hòa giải được do bị đơn vắng mặt. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Đức H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Hoàng Đức H.

2. Về con chung: Không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002035 ngày 19 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, thành phố Huế. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND xã L (ĐKKH ngày 06/7/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú